Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9303.20.90

Mã HS	9303.20.90
Mô tả hàng hóa	Súng cầm tay (firearm) khác và các loại tương tự hoạt động bằng cách đốt cháy lượng thuốc nổ đã nạp (ví dụ, súng shotgun thể thao và súng trường thể thao, súng cầm tay nạp đạn phía nòng, súng lục bắn pháo hiệu và các loại khác được thiết kế chỉ để phóng pháo hiệu, súng lục và súng lục ổ quay để bắn đạn giả, súng bắn gia súc giết mổ, súng phóng dây) / - Súng shotgun thể thao, súng shotgun săn hoặc súng shotgun bắn bia khác, kể cả súng trường - shotgun kết hợp (combination shotgun-rifles): / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 07:37:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/93032090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18425
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18425
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18425
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AANZFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ACFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AJCEP	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ATIGA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

RCEP (Phụ lục A)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục B)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục D)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục E)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục F)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VJEPA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AC!E17748
ATIGA	2022	2022	*	AT!E17677
ATIGA	2023	2023	*	AT!F17677
ATIGA	2024	2024	*	AT!G17677
ATIGA	2025	2025	*	AT!H17677
ATIGA	2026	2026	*	AT!I17677
ATIGA	2027	2027	*	AT!J17677
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	AJ!E17733
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	AJ!F17733
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	AJ!G17733
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	AJ!H17733

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	AJ!I17733
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	AJ!J17733
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	VJ!E17734
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	VJ!F17734
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	VJ!G17734
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	VJ!H17734
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	VJ!I17734
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	VJ!J17734
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AK!F17739
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AANZ!H17696
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F17691
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G17691
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H17691
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I17691
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J17691
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K17691
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17737
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17737
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17737
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17737
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17737
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17737
VCFTA	2022	2022	*	VC!D17799
VCFTA	2023	2023	*	VC!E17799
VCFTA	2024	2024	*	VC!F17799
VCFTA	2025	2025	*	VC!G17799

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	*	VC!H17799
VCFTA	2027	2027	*	VC!I17799
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17777
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17777
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17777
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17777
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17777
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17777
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D17770
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E17770
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F17770
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G17770
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H17770
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I17770
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17800
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17800
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17800
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17800
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17800
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17800
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17799
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17799
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17799
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17799
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17799
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17799

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17893
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17893
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17893
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17893
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17893
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17893
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17893
RCEP A	2022	2022	*	RCEPT-A!D17762
RCEP A	2023	2023	*	RCEPT-A!E17762
RCEP A	2024	2024	*	RCEPT-A!F17762
RCEP A	2025	2025	*	RCEPT-A!G17762
RCEP A	2026	2026	*	RCEPT-A!H17762
RCEP A	2027	2027	*	RCEPT-A!I17762
RCEP B	2022	2022	*	B!D17762
RCEP B	2023	2023	*	B!E17762
RCEP B	2024	2024	*	B!F17762
RCEP B	2025	2025	*	B!G17762
RCEP B	2026	2026	*	B!H17762
RCEP B	2027	2027	*	B!I17762
RCEP C	2022	2022	*	C!D17760
RCEP C	2023	2023	*	C!E17760
RCEP C	2024	2024	*	C!F17760
RCEP C	2025	2025	*	C!G17760
RCEP C	2026	2026	*	C!H17760
RCEP C	2027	2027	*	C!I17760
RCEP D	2022	2022	*	D!D17759

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	*	D!E17759
RCEP D	2024	2024	*	D!F17759
RCEP D	2025	2025	*	D!G17759
RCEP D	2026	2026	*	D!H17759
RCEP D	2027	2027	*	D!I17759
RCEP E	2022	2022	*	E!D17763
RCEP E	2023	2023	*	E!E17763
RCEP E	2024	2024	*	E!F17763
RCEP E	2025	2025	*	E!G17763
RCEP E	2026	2026	*	E!H17763
RCEP E	2027	2027	*	E!I17763
RCEP F	2022	2022	*	F!D17762
RCEP F	2023	2023	*	F!E17762
RCEP F	2024	2024	*	F!F17762
RCEP F	2025	2025	*	F!G17762
RCEP F	2026	2026	*	F!H17762
RCEP F	2027	2027	*	F!I17762
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16644
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16644
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16644
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16644

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH có khả năng gây mất an toàn (6266/QĐ-BCA 2023)		6266/QĐ-BCA	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9303.20 có 2 dòng thuế; dòng 9303.20.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9303.20.10 Súng shotgun săn (SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9303.20.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9303.20.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18425), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SPHH có khả năng gây mất an toàn (6266/QĐ-BCA 2023)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.